

BIỆT DỊCH KINH TẠP A-HÀM QUYỂN XI

199. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương xá. Bấy giờ có Phạm chí tên Ưu-trắc đến gặp Đức Phật. Sau khi chào hỏi, vị ấy ngồi qua một bên, thưa:

–Thưa Cù-đàm, thế giới hữu biên hay vô biên?

Đức Phật bảo Ưu-trắc:

–Ta không đáp câu hỏi này.

Ưu-trắc nói:

–Thưa Cù-đàm, tôi hỏi thế giới hữu biên hay vô biên, Ngài đều không đáp. Nếu như vậy, thông thường Ngài thuyết pháp, giải thích vấn nạn là đáp điều gì?

Phật bảo:

–Này Ưu-trắc, Ta đã biết rõ hoàn toàn về các pháp, giảng thuyết Chánh đạo cho đệ tử Thanh văn để họ diệt trừ tận cùng biên giới các khổ.

Ưu-trắc thưa:

–Ngài đã biết rõ hoàn toàn về các pháp, giảng thuyết Chánh đạo cho đệ tử Thanh văn để họ diệt trừ các khổ đến hết biên giới. Như vậy đạo mà Ngài đắc được là để cho mọi người đều hành hay là chỉ dành riêng cho một số người hành đạo ấy?

Lúc ấy Đức Như Lai im lặng không đáp. Ưu-trắc hỏi ba lần như vậy, Như Lai đều im lặng. Bấy giờ Tôn giả A-nan đang quạt hầu Phật, nghe câu hỏi của Ưu-trắc, Tôn giả bảo ông ta:

–Câu hỏi của ông không khác câu trước, cho nên Thế Tôn im lặng không đáp. Tôi sẽ vì ông nói một ví dụ: Như biên giới có thành trì với tường vách kiên cố, lan can cửa sổ đều chắc chắn, đại lộ, đường hẻm, dinh thự, chợ búa sắp xếp khép kín không xen tạp nhau, nhưng thành trì này chỉ có một cửa. Người giữ cửa thông minh trí tuệ, có sức ghi nhớ rất tốt, biết phân biệt rõ những người vãng lai cũ, biết cho ai vào và không cho ai vào. Khi ấy, trong thành có người muốn

ra nhưng không biết đường ra, tìm khắp nơi không có chỗ trống, chỉ có một cửa này mới có thể ra được. Người giữ cửa trí tuệ ấy không cần biết hết các hạng người trong thành, nhưng biết tất cả những người trong thành muốn ra ngoài đều phải đi bằng cửa này. Nay Ưu-trắc, Như Lai cũng như vậy, tuy không suy nghĩ phân biệt đến tất cả mọi người, nhưng biết rất rõ tất cả đều phải ra vào bằng cửa này, biết biên giới của khổ ở quá khứ, hiện tại, vị lai đều do đường này mà chấm dứt hết khổ.

Phạm chí Ưu-trắc nghe lời Tôn giả A-nan giảng giải, hoan hỷ từ giả.

M

200. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá, còn Tôn giả Phú-na ở núi Linh thú.

Có nhiều Phạm chí dị học ngoại đạo đến gặp Tôn giả, sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa với Tôn giả:

–Chúng tôi đều nghe Sa-môn Cù-đàm nói rằng chúng sanh chết rồi không sanh nữa. Sự việc này như thế nào?

Tôn giả đáp:

–Như tôi hiểu ý nghĩa trong lời Phật dạy, thì Đức Phật không bao giờ nói chúng sanh chết rồi lại không có gì cả, chết ở đây sanh ở kia. Đức Phật không thấy có tướng chúng sanh. Vì sao? Phàm phu vọng tưởng có ngã mạn nên nói có chúng sanh. Như Lai đoạn ngã mạn, tán thán đoạn ngã mạn nên không có tướng về chúng sanh.

Các ngoại đạo nghe Tôn giả nói, họ không hoan hỷ, cũng không chê bai, cùng nhau bỏ đi. Họ đi chưa bao lâu, Phú-na liền đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, đứng qua một bên, trình bày đầy đủ với Thế Tôn những lời ngoại đạo nói: “Họ nói rằng Thế Tôn giảng, nói chúng sanh diệt rồi không còn thọ sanh nữa. Sự việc này ... *như trên*... không có tướng về chúng sanh”.

Phú-na lại thưa:

–Con trả lời với ngoại đạo như vậy có trái với giáo pháp của Đức Phật dạy, có hủy báng hay thêm bớt không? Có giống hay khác lời Thế Tôn dạy, nói đúng pháp hay không đúng pháp, có giống pháp hay không giống pháp, có đáng chê trách vì sai với Phật pháp không?

Phật bảo Phú-na:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH

–Lời ông nói rất đúng, không hủy báng, không thêm bớt, không khác lời Ta dạy, nói đúng pháp, không phi pháp, đúng với Phật pháp nên không có gì chê trách ông được. Tại sao? Xưa nay tất cả chúng sanh đều do ngã mạn làm hại, phiền não của chúng sanh đều do ngã mạn sanh trưởng, do hỷ lạc ngã mạn, không biết rõ ngã mạn nên đưa đến không biết gì cả. Như không biết chỗ đầu tiên trên vòng tròn, không biết đầu mối nơi cuộn chỉ rối, như đóng dây rối, như đội quân khi bị địch đánh tan bỏ chạy hỗn loạn. Chúng sanh bị hỗn loạn bất định ở đâu? Ở đời này qua đời khác, chạy mãi không ngừng, lưu chuyển trong sanh tử không thể thoát khỏi. Nay Phú-na, với ngã mạn, như vậy, nếu chúng sanh diệt tận ngã mạn không còn chút nào thì người ấy tuy ở trong cảnh giới Người, Trời, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, nhưng thấy được sự thật, thoát khổ, được an lạc mãi mãi.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy hoan hỷ phụng hành.

M

201. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Giữa đêm, Tôn giả A-nan đến sông Đa-bạt, cởi y phục để trên bờ, xuống sông tắm, sau đó mặc y tắm, lên bờ hong thân cho khô.

Có ngoại đạo tên Cự-ca-na-đề đang đi đến bờ sông ấy. Tôn giả A-nan nghe tiếng chân và tiếng ho của ông ta. Ông ta cũng nghe tiếng của Tôn giả, hỏi:

–Hiền giả là ai?

Đáp:

–Tôi là Sa-môn.

Hỏi:

–Sa-môn rất nhiều, Hiền giả là Sa-môn nào?

A-nan đáp:

–Tôi là Thích tử.

Ngoại đạo hỏi:

–Tôi có điều thắc mắc, nếu Hiền giả rảnh rồi xin cho phép tôi hỏi.

A-nan đáp:

–Ông cứ hỏi, nghe rồi mới biết.

Hỏi:

www.daitangkinh.org

–Ta chết ở đây sanh đến chỗ kia phải không?

A-nan nói:

–Như Lai không trả lời.

Hỏi:

–Ta chết ở đây không sanh ở kia; cũng sanh, cũng không sanh; chẳng phải sanh, chẳng phải không sanh nơi chỗ kia, phải không?

A-nan lại nói:

–Những câu hỏi này, Như Lai đều không đáp.

Ngoại đạo nói:

–Tôi hỏi Hiền giả, ta chết ở đây sanh ở kia... đều không được đáp. Hay là Hiền giả không biết việc này?

A-nan đáp:

–Những việc như vậy, tôi đều thấy biết, chẳng phải là không thấy biết.

Ngoại đạo hỏi:

–Hiền giả thấy biết như thế nào?

A-nan đáp:

–Theo sự thấy biết của tôi, thấy được cảnh giới ấy, thấy hành nghiệp của chúng sanh, cho đến thấy biết chúng sanh từ đâu sanh ra, thấy biết nghiệp trôi buộc do hành động đã làm, thấy phiền não vây phủ tụ tập đen như mực. Phàm phu ít hiểu biết tương ứng với tri kiến bị trôi buộc, tất nhiên trong vị lai phải trôi theo sanh tử mãi mãi. Sự việc là như vậy, có gì là không thấy biết?!

Ngoại đạo Câu-ca-na hỏi:

–Hiền giả tên gì?

A-nan đáp:

–Tôi tên A-nan.

Ngoại đạo nói:

–Lành thay, lành thay! Đệ tử của Bạc Đại Sư, tôi đã đàm luận từ nãy giờ mà không biết Hiền giả A-nan. Nếu tôi biết Hiền giả, nào dám có thể cùng đối đáp được.

Ngoại đạo nghe Tôn giả A-nan thuyết giảng, hoan hỷ từ giả.

M

202. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Trưởng giả Tu-đạt-đa muốn đến gặp Đức Phật để được gần gũi cúng dường, lại suy nghĩ: “Ta đến đó khi trời còn quá sớm, có khi Đức Như Lai chưa ra khỏi thiền định, vậy nên đến chỗ ngoại đạo trước”.

Trưởng giả đến chỗ ngoại đạo, sau khi chào hỏi, ngỏ qua một bên. Dị học ngoại đạo hỏi Tu-đạt:

–Trưởng giả có thể nói cho tôi biết Sa-môn Cù-đàm hành động với tri kiến nào?

Tu-đạt-đáp:

–Lời dạy của Như Lai, tôi chưa đạt đến được. Tri kiến của Ngài thì ngoài nhận thức của tôi.

Ngoại đạo nói:

–Nếu Trưởng giả không biết về tri kiến của Phật, vậy có biết về tri kiến của các Tỳ-kheo không?

Tu-đạt-đáp:

–Những việc như vậy tôi đều không biết.

Ngoại đạo nói:

–Như vậy, cuối cùng Trưởng giả có kiến thức gì? Nếu biết được chút ít gì xin nói cho tôi nghe.

Tu-đạt nói:

–Hiền giả hãy nói trước về kiến thức của mình, tôi sẽ trình bày sau.

Vị ngoại đạo ấy nói với Tu-đạt:

–Theo nhận thức của tôi, chúng sanh là thường, là thật, nói khác đi là sai.

Một vị ngoại đạo khác nói với Tu-đạt:

–Theo nhận thức của tôi, tất cả đều là vô thường, chỉ như vậy là thật, ngoài ra đều nói sai.

Lại có người nói:

–Chúng sanh cũng thường, cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Chỉ có đây là đúng, nói khác đi là sai.

–Thế giới hữu biên, thế giới vô biên; cũng hữu biên, cũng vô biên; chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, thân là mạng, mạng là thân; thân và mạng khác nhau; thần ngã của chúng sanh chết đây sanh

kia, chết đây không sanh kia, chết đây cũng sanh kia, cũng không sanh kia; chết đây chẳng sanh kia, chẳng không sanh kia. Trưởng giả, đây là kiến thức của chúng tôi.

Sau khi các ngoại đạo đưa ra những nhận thức của mình xong, nói với Trưởng giả:

–Nhân giả hãy nói kiến thức của mình đi.

Tu-đạt-đáp:

–Theo nhận thức của tôi, tất cả chúng sanh đều là hữu vi, từ các nhân duyên hòa hợp mà có, gọi là nhân duyên tức chỉ cho nghiệp. Cái gì đã dựa vào sự hòa hợp của nhân duyên mà có tức là vô thường. Vô thường là khổ, khổ tức là vô ngã. Vì sự thật này, tôi không có tâm chấp trước vào kiến nào cả. Ngoại đạo quý vị bày tỏ thế này: “Tất cả các pháp đều thường, chỉ đây là đúng, nói khác đi là sai”, với suy tính như vậy chính là căn bản của các khổ. Ai tham chấp với các kiến này là tương ứng với khổ, phải chịu khổ lớn, phải chịu khổ vô cùng trong sanh tử, đều do kiến chấp về hữu, cho thế giới là thường, cho đến sau khi chết chẳng sanh chỗ kia; chẳng phải không sanh chỗ kia.... Những kiến này thật sự là pháp hữu vi do nhân duyên hòa hợp của nghiệp tập khởi. Theo như vậy, suy luận ra phải biết tất cả đều vô thường, vô thường là khổ, khổ là vô ngã.

Lại có ngoại đạo nói với Tu-đạt:

–Trưởng giả, nếu chúng sanh do nhân duyên hòa hợp của nghiệp tập khởi mà có, tất nhiên là vô thường, vô thường là khổ, khổ là vô ngã. Nếu như vậy, hiện nay tôi đang tạo những gốc khổ, cùng tương ứng với khổ, chịu khổ vô cùng trong sanh tử?

Tu-đạt-đáp:

–Trước đây tôi đã nói: Tâm tôi không chấp trước vào tất cả các kiến. Thế nên nay tôi cũng không chấp trước vào kiến này.

Khi ấy ngoại đạo tán thán Tu-đạt:

–Đúng vậy, này Trưởng giả, Trưởng giả đã bày tỏ đúng như vậy.

Sau khi Tu-đạt ở giữa chúng ngoại đạo bày tỏ tiếng gầm của sư tử, khiến cho tâm tà kiến của các ngoại đạo bị tiêu diệt, bèn đi đến gặp Phật, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, đem sự việc vừa bàn luận với ngoại đạo thưa với Đức Như Lai. Đức Phật tán thán:

–Lành thay! Ông phá tan những tà kiến của ngoại đạo với lý

luận như vậy, làm cho chánh pháp hưng thịnh.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

203. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Phạm chí Trường Trảo đến gặp Đức Phật, ngồi qua một bên, bày tỏ:

–Hiện nay, đối với tất cả các pháp, tôi không chấp nhận điều gì cả.

Đức Phật bảo Trường Trảo:

–Ông đối với các pháp không chấp nhận điều gì cả. Như vậy ông có chấp nhận tri kiến ấy không?

Trường Trảo nói:

–Tri kiến như vậy, tôi cũng không chấp nhận.

Đức Phật bảo Trường Trảo:

–Nếu ông đã không chấp nhận tri kiến như vậy tại sao lại bày tỏ: “Đối với các pháp, tôi không chấp nhận gì cả”, vậy lời tỏ bày không chấp nhận của ông nói ra là gì?

Đức Phật lại bảo:

–Này người thờ lửa! Nếu ông thấy, ông biết mà không chấp nhận cái thấy ấy, tức là cắt đứt cái thấy ấy, đã vứt bỏ cái thấy ấy. Cũng như có người đã nôn các kiến ra ngoài, nếu người như vậy, đối với các kiến khác không còn tiếp nối, không còn giữ lấy, không còn phát sanh.

Phạm chí Trường Trảo lại nói:

–Theo Ngài nói, tôi đã đoạn trừ kiến này, đã vứt bỏ kiến này, cũng như người đã nôn các kiến ra ngoài, không còn tiếp nối, không giữ, không sanh nữa.

Phật bảo Trường Trảo:

–Nếu như vậy, có nhiều chúng sanh cùng ý kiến với ông, cũng lý luận như vậy. Có nhiều Sa-môn, Bà-la-môn dị đạo, nếu xả bỏ kiến này, lại không chấp nhận kiến khác, đây gọi là thiếu trí, rất cạn cợt, ngu si.

Phạm chí nên biết, chúng sanh trong thế gian đều dựa vào ba loại kiến:

Một, chấp nhận tất cả.

Hai, không chấp nhận tất cả.

Ba, chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần.

Đệ tử của bậc Hiền thánh quán sát loại kiến thứ nhất, thấy nó phát sanh do tham dục, sân hận, ngu si, lại bị ba độc trói buộc không thoát ly được, thường sanh nguy hiểm tai hại, luôn gây phiền não, không thể giải thoát, hỷ lạc với dục là bị giam giữ trong dục, nên gọi là chấp nhận tất cả.

Kiến thứ hai: Không chấp nhận điều gì cả, từ đó phát sanh tham dục, sân hận, ngu si, rồi lại luôn bị ba độc ấy trói buộc, không thể xả ly, giải thoát được. Do hỷ lạc với tham dục, thường bị ái dục quản thúc trói buộc, nên gọi là không chấp nhận gì cả.

Kiến thứ ba: Chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần, cũng như chấp nhận hay không chấp nhận đã trình bày ở trên. Đệ tử của bậc Hiền thánh nếu chấp nhận tất cả thì tranh cãi với hai kiến kia. Nếu không chấp nhận gì cả hay chấp nhận một phần, không chấp một phần thì cũng cùng với hai kiến còn lại tranh luận, vì tri kiến của mình trái với người khác, nên phát sanh tranh luận. Nếu tranh luận phát sanh thì hủy hại nhau, vì cùng tranh luận thì sanh ra hủy hại.

Sai lầm của các kiến là phát sanh tranh luận: Bỏ kiến này không nhận kiến khác. Do sự thật ấy nên đoạn trừ kiến, vứt bỏ kiến. Cũng như người đã nôn ra, đối với các kiến không còn nổi tiếp, không còn giữ, không còn phát sanh. Đệ tử của bậc Hiền thánh nếu bày tỏ: Chấp nhận hay không chấp nhận, chấp nhận một phần, không chấp nhận một phần thì vẫn có lỗi này.

Này Phạm chí, sắc pháp do bốn đại tạo thành, nên đệ tử của bậc Hiền thánh thấy sắc thân này là vô thường, đã thấy vô thường thì thường lìa dục; thấy thân này hoại diệt nên xa lìa. Ai thấy thân vô thường liền xa lìa dục về thân, lìa ái về thân, lìa sự giam giữ về thân, lìa tướng quyết định về thân.

Này Phạm chí, nên biết có ba loại thọ là: Khổ thọ, lạc thọ và xả thọ. Ba thọ này lấy gì làm nhân, lấy gì làm tập, nhân vào đâu để phát sanh, xuất hiện từ đâu? Chúng lấy xúc làm nhân, nhân xúc tập khởi,

tập hợp từ xúc, nhân xúc phát sanh. Nếu xúc diệt thì thọ diệt. Như mặt trời lặn, hết nóng được mát. Có thọ thuộc phạm vi của thân, có thọ thuộc phạm vi của sanh mạng. Khi cảm nhận thân, biết cảm nhận thuộc thân. Khi cảm nhận thuộc sanh mạng, biết thọ thuộc sanh mạng. Biết đúng như vậy, không sai lầm.

Đệ tử của bậc Hiền thánh khi cảm nhận lạc thọ biết sự cảm nhận thuộc thân tất bị hoại diệt. Khi nhận khổ thọ, xả thọ, biết các thọ thuộc thân này tất bị hoại diệt. Khi nhận lạc thọ thì không cùng các thọ khác hòa hợp. Khi nhận khổ thọ, xả thọ cũng vậy. Khi cảm nhận không hòa hợp với sân si, không hòa hợp với sanh, lão, bệnh, tử thì sanh, ưu, bi, khổ não, tập hợp các khổ.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất vừa xuất gia được nửa tháng, đang quạt đầu bên cạnh Đức Phật. Trong khi Như Lai thuyết giảng về pháp đoạn lậu lìa dục, Xá-lợi-phất quán sát như thật, thấy các pháp đều vô thường, ngay tại chỗ chứng đắc lìa dục, xa lìa các tà kiến, các lậu chấm dứt, không còn phát sanh nữa, tâm đắc giải thoát.

Phạm chí Trường Trảo đối với các pháp đặc pháp nhãn thanh tịnh, như nói ở trên. Sau khi đạt tín tâm, Trường Trảo bạch Phật:

– Cầu mong Thế Tôn cho con xuất gia.

Như Lai cho phép ông ta xuất gia. Sau khi xuất gia, Tôn giả ấy tu tập tinh tấn, đắc đạo quả A-la-hán.

M

204. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại bờ hồ Tu-ma-kiệt-đà, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ Phạm chí Xa-la-phù nói giữa đại chúng:

– Tôi biết rõ giáo pháp của Thích tử. Hiểu biết của tôi vượt hơn họ.

Khi đó có nhiều Tỳ-kheo vào thành khát thực, thấy Phạm chí Xa-la-phù ở bên bờ sông ấy, bày tỏ: “Tôi biết rõ giáo pháp của Thích tử. Hiểu biết của tôi vượt hơn cả họ”.

Sau khi nghe như vậy, các Tỳ-kheo trở về Tăng xá, thu xếp y bát, rửa sạch chân tay, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, ngồi qua một bên, bạch:

www.daitangkinh.org

–Thưa Thế Tôn, hôm nay chúng con vào thành khất thực, sau khi thọ trai xong, trên đường về, đi ngang qua hồ Tu-ma-kiệt-đà, trên bờ hồ ấy có một Phạm chí tên Xa-la-phù, bày tỏ giữa đại chúng: “Tôi biết rõ giáo pháp của Thích tử. Hiểu biết của tôi vượt hơn cả họ”. Lành thay! Thế Tôn, xin Ngài đi đến bờ hồ ấy.

Đức Thế Tôn im lặng đồng ý, cùng với các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đi theo, đến hồ Tu-ma-kiệt-đà. Xa-la-phù thấy Đức Phật đến liền đứng dậy, thưa với Phật:

–Mời Ngài an tọa.

Đức Phật ngồi vào chỗ ngồi, bảo Xa-la-phù:

–Sự thật ông có bày tỏ: “Tôi biết rõ giáo pháp của Thích tử. Hiểu biết của tôi vượt hơn cả họ” hay không?

Khi ấy Phạm chí đứng im lặng. Đức Phật bảo ông ta:

–Tại sao ông im lặng không đáp? Nếu hiểu, ông tùy ý nói. Nếu ông không hiểu, Ta sẽ vì ông phân biệt giảng thuyết, làm cho ông được hiểu biết hoàn toàn. Nếu ông có thể trình bày đầy đủ, Ta sẽ tán trợ ông. Nay Phạm chí, trong đời có người nói: “Đức Như Lai không phải là Bạc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác”. Đối với người bày tỏ như vậy, Ta khen: “Lành thay!” và sẽ hỏi họ: “Ông căn cứ vào sự việc gì bày tỏ Như Lai không phải là Bạc Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác?”. Những chúng sanh này không thông suốt nghĩa lý nên không thể đáp được, bèn nói theo những ngôn luận khác của thế gian, xen lẫn vào bằng những lời sai lầm, kiêu mạn, cao ngạo, sanh tâm hủy hoại, vì không thể đáp câu hỏi này nên đứng im lặng, xấu hổ, cúi đầu không trình bày gì cả. Nay Xa-la-phù, ông cũng vậy, giả sử có người nói: “Sa-môn Cù-đàm thuyết giảng giáo pháp có lỗi lầm”. Đối với người bày tỏ như vậy, Ta vẫn khen: “Lành thay”, và hỏi người ấy: “Căn cứ vào trí nào mà biết sự việc này?”. Họ không đáp được nên nói theo ngôn luận của thế gian, nội dung thác loạn, cùng lời duối lý, xấu hổ cúi đầu, đứng im lặng không trình bày được gì cả, cũng như ông hiện nay không khác. Lại có người cho rằng: “Đệ tử của Sa-môn Cù-đàm không có hường thiện, không đủ giới luật”, Ta cũng khen: “Lành thay!” và hỏi lại họ rằng: “Ông dựa vào pháp gì mà nghiệm biết việc ấy?”. Họ không thể đáp, lại nói chuyện thế gian với ngôn luận thác loạn, cùng lời duối lý, xấu hổ cúi đầu đứng im lặng, không nói được gì cả, nay ông cũng như vậy.

Khi ấy các bạn đồng phạm hạnh bảo Xa-la-phù:

–Tại sao bạn im lặng không đáp? Ngày trước bạn thường tuyên bố giữa đám đông người: “Hiểu biết của tôi hơn giáo pháp của Cù-đàm”. Đáng lẽ hôm nay bạn phải vấn nạn Sa-môn Cù-đàm, tại sao bạn lại bị Sa-môn Cù-đàm hỏi ngược lại, vặn bạn phải trả lời, bảo

rằng: “Nếu lời nói của ông đầy đủ, Ta tán trợ ông, khen tặng lành thay. Nếu lời nói của ông không đầy đủ, Ta sẽ giúp ông phân biệt, trình bày làm cho đầy đủ”.

Xa-la-phù nghe bạn bè đồng phạm hạnh nói như vậy, vẫn im lặng không trình bày được gì cả.

Bên bờ hồ Tu-ma-kiệt-đà, sau khi nêu bày tiếng rống của sư tử, Đức Thế Tôn đứng dậy, trở về thành Vương xá. Phật đi chưa bao lâu, những người bạn đồng phạm hạnh của Xa-la-phù chê trách ông ta:

–Này bạn, hiện nay bạn như bò gãy sừng, chỉ rống ở chỗ vắng. Bạn cũng vậy, ở chỗ vắng vẻ thì rống lên tiếng sư tử. Khi đến trước Sa-môn Cù-đàm thì im lặng, không biết nói gì. Bạn như con gái, giả nói tiếng đàn ông, nhưng không làm được, vẫn là giọng nữ. Bạn cũng vậy, muốn bắt chước Sa-môn Cù-đàm rống tiếng sư tử nhưng không thành công. Như con đã can cái muốn rống lên tiếng sư tử, nhưng khi phát ra tiếng thì vẫn là âm thanh của loài dã can, không thể giống như âm thanh của sư tử được.

Các người bạn sau khi chê trách Xa-la-phù bằng những lời như vậy xong, cùng bỏ đi tứ tán.

M

205. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại rừng trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Có một Phạm chí tên Trọng Sào ở bên bờ hồ Tu-ma-kiệt-đà bày tỏ giữa chúng của ông ta:

–Ai có thể phân tích đầy đủ và thuyết minh được ý nghĩa bài kệ của tôi nói ra, tôi sẽ làm đệ tử người ấy.

Đến giờ ăn, các Tỳ-kheo mặc y mang bát, lần lượt vào thành Vương xá khát thực. Sau khi thọ trai xong, trên đường về, đi ngang qua bờ hồ Tu-ma-kiệt-đà, các Tỳ-kheo nghe lời vị Phạm chí ấy nói; họ trở về Tăng xá, thu xếp y bát, rửa sạch tay chân, đến gặp Đức Phật, đánh lễ sát chân, ngồi qua một bên, bạch Phật:

–Thưa Thế Tôn, bên bờ hồ Tu-ma-kiệt-đà có Phạm chí Trọng Sào bày tỏ: “Người nào phân tích đầy đủ, thuyết minh được ý nghĩa kệ của tôi nói ra, tôi sẽ làm đệ tử người ấy”. Cầu mong Thế Tôn đi đến

đó.

Thế Tôn im lặng đồng ý, cùng các Tỳ-kheo trước sau đi đến bờ hồ kia. Phạm chí Trọng Sào từ xa thấy Phật đến, liền bày biện tòa cao, thưa với Phật:

– Xin mời Cù-đàm ngồi ở đây.

Sau khi an tọa, Như Lai bảo Phạm chí:

– Ta nghe ông có nói rằng người nào có thể phân tích đầy đủ, thuyết minh được ý nghĩa kệ do ông nói, ông sẽ làm đệ tử họ phải không?

Phạm chí đáp:

– Thưa Cù-đàm, đúng vậy.

Đức Phật bảo:

– Ông hãy đọc kệ cho Ta nghe. Ta sẽ phân tích giảng giải cho ông.

Bấy giờ Phạm chí Trọng Sào sắp đặt lại tòa cao, ngồi trên đó và nói kệ:

*Ai là Tỳ-kheo
Mang họ Thích-ca
Cần phải như pháp
Sinh hoạt thanh tịnh
Không được làm hại
Các loài chúng sanh
Cần phải xa lìa
Các pháp bất thiện
Giữ ý thanh tịnh
Trì giới đã thọ
Điều phục như vậy
Tùy thuận định, tuệ.*

Thế Tôn nói kệ đáp:

*Nếu làm được như vậy
Tùy thuận mà thực hành
Trong các thiện tượng phu
Ông là người hơn hết
Tỳ-kheo sống yên lặng*

*Thanh tịnh tự điều thuận
Không làm hại chúng sanh
Xa lìa tất cả ác
Người điều phục như vậy
Tùy thuận với định, tuệ.
Tâm nhu hòa hoàn toàn
Thân miệng không làm ác
Thường thu nhiếp ba nghiệp
Gọi tùy thuận định, tuệ
Làm phước điền cho đời
Mang bát đến từng nhà
Nhiếp tâm, tu niệm xứ
Khiêm tốn, sống giản dị
Từ dục, bỏ tham cầu
Nên đắc vô sở úy.*

Khi Phạm chí Trọng Sào nghe kệ này xong, bèn suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm thật đã biết rõ tâm ý ta, vậy ta nên quy y Tam bảo”. Sau khi nghĩ như vậy, Trọng Sào bạch Phật:

– Cầu mong Như Lai cho con được xuất gia.

Đức Phật cho phép Trọng Sào xuất gia học đạo, thọ giới cụ túc, trở thành Sa-môn, tinh cần tu tập, đoạn trừ phiền não, đắc A-la-hán.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

206. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Bấy giờ các ngoại đạo ở Ma-kiệt-đà cùng nhau tụ tập trên bờ Tu Ma-kiệt-đà, bày tỏ với ngôn luận:

– Vấn đề này là sự thật của Bà-la-môn, đây là sự thật của Bà-la-môn.

Đức Như Lai đang ở tinh xá, với thiên nhĩ thiên tịnh, nghe lời nói của họ nên sau khi xuất thiền, đi đến bờ ao Tu Ma-kiệt-đà.

Các vị Bà-la-môn thấy Phật từ xa đến, cùng nhau đứng dậy xếp đặt chỗ, mời Phật ngồi. Sau khi an tọa, Đức Phật bảo với họ:

– Các vị tập hợp ở đây bàn luận về việc gì?

Các Bà-la-môn thưa với Đức Phật:

– Thưa Cù-đàm, hôm nay chúng tôi tập hợp nhau cùng bàn luận: Vấn đề này là sự thật của Bà-la-môn, đây là sự thật của Bà-la-môn.

Đức Phật bảo họ:

– Đúng vậy, đúng vậy! Ngày xưa, sau khi tìm đạo Ta đã chứng Chánh Đẳng Giác. Sau khi chứng tri, Ta đã tuyên bố: Tất cả thế gian không ngoài ba sự thật, Ta sẽ phân biệt. Những gì là ba?

Đó là không được sát hại tất cả các loài. Đây là lời chân thật, không dối trá. Nếu chấp nhận đây là sự thật thì cần phải tinh tấn, đối với các chúng sanh thường sanh tâm Từ. Đây là sự thật thứ nhất của Bà-la-môn. Ta biết đúng như vậy và giảng thuyết rộng cho mọi người.

Lại nữa, này Bà-la-môn, tất cả khổ tập là pháp sanh diệt, lời nói này chân thật không sai. Nếu đây là sự thật, cần phải tinh tấn, đối với khổ tập thường phải tu tâm quán sát về tướng sanh diệt, nên tu tập như vậy. Đây là sự thật thứ hai của Bà-la-môn. Ta vì biết rõ tướng sanh diệt ấy nên chứng Chánh Đẳng Giác, thường vì chúng sanh thuyết giảng pháp này.

Lại nữa, sự thật thứ ba của Bà-la-môn là thoát ly ngã và ngã sở, đạt vô ngã chân thật.

Ai xa lìa ba pháp tướng này thì viễn ly các điều ác. Nếu chấp nhận đây là sự thật, cần phải sống như vậy.

Khi Đức Phật thuyết giảng pháp này, các ngoại đạo nghe lời Phật dạy, vẫn ngồi im lặng. Thế Tôn suy nghĩ: “Kẻ ngu si này thường

bị ma gây chướng ngại nên trong đại chúng cần có một ai tin nhận lời này để phát sanh chí nguyện cầu học, tu trì phạm hạnh”. Nghĩ như vậy xong, Đức Như Lai đứng dậy ra đi.

Đức Phật vừa đi khỏi, vị thần hồ Tu-ma-kiệt-đà nói kệ:

*Như vẽ trên nước muốn tìm dấu
Ruộng muối, gieo giống muốn mọc mạ
Như dùng mùi thơm ướp vật thối
Dội nước bờ đá mong mềm mại
Thối vào chày sắt cầu tiếng hay
Vào giữa mùa đông tìm Dã mã
Những ngoại đạo này cũng như vậy
Tuy nghe diệu pháp không tín thọ.*

Khi nghe thần hồ nói kệ ấy, các Bà-la-môn liền cùng nhau đi theo Phật, cầu xin xuất gia. Đức Phật cho phép. Sau khi xuất gia họ tinh tấn tu tập, đắc quả A-la-hán.

Đức Phật dạy như vậy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ phụng hành.

M

207.

Một thời Tôn giả A-nan ở tại rừng Cù-sư-la thuộc nước Câu-diêm-di.

Có Phạm chí tên Văn-đà đến gặp Tôn giả A-nan. Sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Vì lý do nào Hiền giả xuất gia học đạo trong giáo pháp của Sa-môn Cù-đàm?

A-nan đáp:

–Vì tôi muốn bỏ ác làm thiện nên xuất gia học đạo trong giáo pháp của Đức Phật.

Phạm chí lại hỏi:

–Bỏ những ác gì?

A-nan đáp:

–Tôi muốn từ bỏ tham dục, sân hận, ngu si.

Phạm chí lại hỏi:

–Hiền giả cũng biết đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si hay sao?

A-nan đáp:

–Chỉ trong Phật pháp mới có pháp chế ngự thân tâm, đoạn trừ tham, sân, si như vậy.

Phạm chí lại hỏi:

–Tham, sân, si có lỗi lầm gì mà bị cấm chế trong giáo pháp của các vị thế?

A-nan đáp:

–Đắm nhiễm ái dục, phát sanh não loạn, ngay trong đời này càng tăng trưởng pháp ác; ưu, bi, khổ não do đó phát sanh, trong đời vị lai cũng như vậy. Tham, sân, si khống chế, phá hoại tâm ta và tâm người khác, làm cả hai đều khổ não, ngay trong đời này tăng trưởng các pháp ác. Lại nữa, ai nhiễm đắm trong tham dục thì bị mù tối không có tuệ nhãn, do nhân duyên tham dục làm cho trí tuệ bị yếu ớt, tổn giảm các điều thiện, không hưởng đến Niết-bàn, không đắc ba minh, sáu thông, xa đường giác ngộ. Đối với tham dục, sân hận, ngu si có nguy hại như thế nên phải cấm chế, đoạn trừ chúng.

Phạm chí lại hỏi:

–Có con đường tu nào rộng lớn, đoạn trừ được tham, sân, si, không?

A-nan đáp:

–Có tám Thánh đạo, đó là chánh kiến, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh định, chánh niệm, chánh chí, đoạn trừ được tham, sân, si; hưởng đến Niết-bàn.

Phạm chí nói:

–Thánh đạo như vậy thật toàn thiện, tu tập phát triển đoạn trừ được tham sân si. Hiền giả A-nan, tôi đang có nhiều công việc phải làm, muốn trở về.

A-nan bảo:

–Nên biết tùy thời.

Phạm chí nghe Tôn giả A-nan giảng giải, hoan hỷ từ giả.

M

208. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc

nước Xá-vệ.

Tôn giả Xá-lợi-phất đến gặp Đức Phật, lạy sát dưới chân Ngài, ngồi qua một bên. Đức Như Lai thuyết giảng giáo pháp làm cho Xá-lợi-phất hoan hỷ, rồi Ngài im lặng.

Xá-lợi-phất thấy Phật im lặng nên đứng lên, lạy sát chân Phật rồi từ giả. Trên đường về, chưa đến trú xứ, gặp một Phạm chí tên Ưu-trắc. Ưu-trắc hỏi:

–Hiền giả từ đâu đến đây?

Xá-lợi-phất đáp:

–Ngày Phạm chí, hôm nay tôi đến gặp Đức Thế Tôn, nghe giáo pháp rồi trở về.

Ưu-trắc nói:

–VẬY là hiện nay Hiền giả vẫn còn lệ thuộc vào giáo pháp, như trẻ con chưa bỏ bú.

Xá-lợi-phất nói:

–Tôi nghe giáo pháp không chán, không giống như trẻ con. Tại sao? Trẻ con lớn lên thì rời sữa mẹ.

Ưu-trắc nói:

–Tôi đã không còn nghe giáo pháp và giáo giới đã lâu.

Xá-lợi-phất nói:

–Trong giáo pháp của ông, tuy có giáo giới, nhưng không có lợi ích thật sự, hành động phi đạo, không phải là phương pháp cứu đời, không đưa đến giác ngộ, là pháp bại hoại, không thể nương nhờ một pháp nào cả. Thầy của ông không phải là Bạc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác. Ông hãy tránh xa thầy tà với giáo pháp ấy đi. Như con bò tối tệ, tánh tình không thuần thực, ưa phá phách, lại ít sữa nên sanh ra con nghé gầy gò, thường xa rời mẹ, tâm ý buông lung. Tôn sư với giáo pháp vô nghĩa của ông cũng như vậy, tánh tình hời hợt, nóng nảy, giáo pháp không có lợi ích thật sự, đệ tử còn nhỏ không có trí tuệ, rời xa thầy, tùy ý phóng dật, còn cho rằng: “Ta đã không còn lệ thuộc nơi giáo pháp và giáo giới”. Trong giáo pháp của Như Lai có giáo pháp và giới luật đúng nghĩa, có phương pháp xuất ly toàn hảo đưa đến giác ngộ, không bị tà kiến phá hoại, có các pháp thiện để nương cậy. Đức Thế Tôn của ta là Đấng Như Lai, Vô Thượng Sĩ, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, các đệ tử luôn luôn thân cận không rời. Như con bò khỏe mạnh, tính nết thuần thực, không phá phách, có nhiều sữa nên thân thể con nghé ngày càng phát triển, theo mẹ không rời.

Phạm chí Ưu-trắc khen Xá-lợi-phất:

–Lành thay! Lành thay! Ông được thiện lợi, pháp và luật đã thọ

là pháp xuất thế, đưa đến giác ngộ, có phương pháp xuất ly toàn hảo, hướng đến Niết-bàn, không thể phá hoại. Hiền giả có bậc thầy để y chỉ là Đức Thế Tôn, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác.

Sau khi nói xong, Phạm chí từ già.

M

209. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại khu lâm viên Kỳ-đà Cấp cô độc, thuộc nước Xá-vệ.

Có một Phạm chí tên là Ưu-trắc đến gặp Đức Phật. Sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Thưa Cù-đàm, trước đây các ngoại đạo tập hợp ở đại giảng đường bàn luận nhiều vấn đề, nào là Sa-môn Cù-đàm ở nơi yên tĩnh, tu tập thu nhiếp tâm ý, trí tuệ biện tài. Khi ấy tôi cũng bàn luận và bày tỏ: Sự việc này tương ứng, sự việc này không tương ứng. Như con trâu già bị mù, chúng ta cũng vậy, giáo pháp của ta quá tầm thường, mù tối không có con mắt tuệ. Sa-môn Cù-đàm có đại trí tuệ, sống nơi chốn vắng lặng, tu tập thu nhiếp tâm ý. Thưa Cù-đàm, hiện nay Ngài đang giáo hóa các đệ tử như thế nào?

Đức Phật bảo ông ta:

–Trong Phật pháp của Ta, gọi sự việc đồng nam, đồng nữ cùng nhau họp mặt, tổ chức hội hè ca múa, vui chơi là tương ứng. Như có người già hơn tám mươi tuổi, tóc bạc, da nhăn, răng rụng mà vẫn ca múa, cỡi trâu, ngựa gỗ, đánh đàn tỳ bà, thổi sáo, thổi tiêu, chơi thuyền nhỏ, đá cầu. Người già với hành động như vậy gọi là không tương ứng. Có người thấy như vậy, nên gọi hành động người này là trí hay ngu?

Phạm chí đáp:

–Như vậy nên gọi là trẻ ngu, không có trí tuệ.

Đức Phật bảo ông ta:

–Trong Phật pháp của Ta, tương ứng, tương thuận như đồng tử vui chơi. Nay Phạm chí, giáo pháp của Thánh hiền tương ứng nhau như đồng tử mà vui chơi.

Ưu-trắc bạch Phật:

–Tỳ-kheo tu pháp thiện như thế nào?

Đức Phật đáp:

–Pháp của Tỳ-kheo là phải xa lìa các pháp ác, bất thiện, tu tập các pháp thiện. Người chưa điều phục thì tinh tấn tu tập làm cho điều phục. Người chưa đắc định, phải tinh tấn tu tập làm cho đắc định. Người chưa giải thoát phải tinh tấn tu tập làm cho giải thoát. Người có chỗ chưa đoạn, phải tinh tấn tu tập làm cho đoạn trừ. Người có chỗ chưa biết, phải tinh tấn tu tập làm cho hiểu biết. Người có chỗ chưa tu, phải siêng năng tu tập để thực hiện việc tu tập. Người chưa đắc phải siêng năng tu tập cho chứng đắc.

Phạm chí hỏi:

–Chưa điều phục những gì vì muốn điều phục nên phải tinh tấn tu tập?

Đức Phật đáp:

–Chưa điều phục được mắt, cho đến chưa điều phục được ý, cần phải tinh tấn tu tập làm cho điều phục.

Phạm chí hỏi:

–Chưa giải thoát những gì nên cần phải tinh tấn tu tập làm cho giải thoát?

Đức Phật đáp:

–Tâm chưa giải thoát nên cần phải tinh tấn tu tập để tâm được giải thoát.

Phạm chí hỏi:

–Cần đoạn trừ những ác gì nên phải siêng năng tu tập?

Đức Phật dạy:

–Vì đoạn trừ vô minh và ái nên cần phải tinh tấn tu tập.

Phạm chí hỏi:

–Không biết những gì cần phải siêng năng tu tập để biết?

Đức Phật dạy:

–Chưa biết về danh sắc, cần phải tinh tấn tu tập để biết.

Phạm chí hỏi:

–Chưa tu tập những gì, vì muốn tu tập nên phải siêng năng tu tập?

Đức Phật dạy:

–Chưa tu tập định tuệ, chưa đắc tám đạo nên cần phải tu tập.

Phạm chí bạch Phật:

–Hạnh của Tỳ-kheo thật là đúng đắn. Con đang có nhiều việc

muốn trở về nhà.

Đức Phật bảo:

–Nên biết tùy thời.

Phạm chí Ưu-trắc đứng dậy từ giã.

M

201. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương xá.

Trong nước có một Phạm chí tên là Thi-bạc, đến gặp Đức Phật. Sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, hỏi:

–Thưa Cù-đàm, gọi là học, tại sao gọi là học?

Đức Phật đáp:

–Vì có học tập nên gọi là học.

Phạm chí hỏi:

–Học tập những gì nên gọi là học?

Đức Phật đáp:

–Luôn luôn tu học tăng thượng giới, tăng thượng trí, tăng thượng tâm, nên gọi là học.

Phạm chí lại hỏi:

–Thưa Cù-đàm, nếu có vị A-la-hán không còn hữu lậu, đã làm xong việc, bỏ gánh nặng xuống, đạt đến vô ngã, tâm được tự tại, không còn phiền não, đắc chánh trí giải thoát, khi ấy sẽ còn học gì nữa?

Đức Phật đáp:

–Khi vị A-la-hán không còn phiền não, chánh kiến, tâm đắc giải thoát, bấy giờ tham dục, sân hận, nghi ngờ đều bị đoạn diệt hết không còn tàn dư, nên gọi là vô học. Lại nữa, vị A-la-hán không những đã diệt tham, sân, si, mà không còn có hành động xấu ác nơi thân miệng ý nữa, vì ý nghĩa này nên gọi là vô học.

Phạm chí Thi-bạc nghe lời Phật dạy, hoan hỷ từ giã.

M

211. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở tại vườn trúc Ca-lan-đà, thuộc thành Vương

xá.

Phạm chí Thi-bặc đến gặp Đức Phật. Sau khi chào hỏi, ngồi qua một bên, thưa:

–Thưa Cù-đàm, có Bà-la-môn bày tỏ như thế này: “Tùy theo nghiệp đã tạo trong quá khứ làm nhân, các nghiệp trong hiện tại tăng trưởng đều tùy theo nhân bất thiện của ta trong đời quá khứ. Trong đời hiện tại, nếu không tạo nghiệp nữa, thì có thể phá gãy cầu sanh tử, đoạn tuyệt hẳn bốn dòng chảy, không còn luân hồi vì nghiệp đã hết, khổ cũng không còn; khổ hết thì không còn cảnh giới khổ”. Thưa Cù-đàm, sự việc này như thế nào?

Đức Phật bảo Thi-bặc:

–Như lời ông nói, các Sa-môn, Bà-la-môn đã bày tỏ: “Tùy theo nghiệp đã làm... *như trên*... không còn cảnh giới khổ”. Nếu như vậy, vì lý do nào ngay trong đời này có bệnh gió, bệnh lạnh... do bốn đại tăng giảm, do tự thân gây ra, hay yếu tố khác gây ra?

Thi-bặc bạch Phật:

–Do yếu tố khác gây ra.

Đức Phật bảo Thi-bặc:

–Thế nào là nghiệp do bản thân làm? Như luôn luôn nhổ râu tóc, hoặc đứng đưa tay, hoặc không ngồi trên giường, hoặc ngồi xổm, lấy đó làm nghiệp tu tập. Hoặc ngồi trên gai góc, hoặc nằm, ngồi trên cây đòn dài, hoặc ngồi trên tro đất, hoặc ngồi trên đất có phân bò, hoặc đứng một chân, quay người theo mặt trời, hoặc vào tháng hè nóng bức thiêu đốt toàn thân ngoài nắng, hoặc ăn rau, ăn hạt cỏ dại, ăn ngô sen, ăn cám, ăn cặn bã dầu, ăn phân bò, hoặc tế lửa ba lần trong ngày, hoặc vào mùa đông ngâm thân trong nước lạnh... có vô số phương pháp làm khổ thân, như vậy đều là nghiệp khổ do bản thân làm.

Thế nào là khổ do người khác làm? Người khác dùng tay chân, dao gậy, gạch đá đánh ném, những khổ này là khổ do người khác gây ra. Tất cả người đời khi bốn đại tăng giảm, hoặc bị gió lạnh mà phát sanh bệnh hoạn. Những bệnh như vậy có thấy trong hiện tại, tại sao các Bà-la-môn kia thấy như vậy lại còn nói: “Tùy theo nghiệp trong quá khứ... *như trên*... cảnh giới khổ”, tức là bày tỏ sai lầm. Do tất cả sai lầm này nên người đời đều biết họ nói lời không thật.

Có năm nhân duyên làm cho thân tâm chịu các khổ não. Những gì là năm? Đó là tham dục, sân hận, trạo hối, hôn trầm, nghi ngờ. Năm pháp này làm cho thân tâm chúng sanh ngay trong đời này chịu nhiều khổ não. Lại có năm nhân duyên làm cho thân tâm chúng sanh ngay trong đời này thường được an lạc, không bị cảm nhận khổ não. Những gì là năm? Đó là đoạn trừ tâm tham dục... thì ngay trong đời hiện tại thân tâm được thọ hưởng an lạc. Vì sao vậy? Vì có tham dục, sân hận, trạo hối, hôn trầm, nghi ngờ, thường làm cho chúng sanh chịu nhiều khổ não. Ai đoạn trừ được chúng thì thọ an lạc, không có đau khổ. Thế nên cần phải đoạn trừ năm thứ trói buộc, che phủ ấy. Nếu ai đoạn trừ chúng thì ngay khi đó đắc giải thoát, chắc chắn đến Niết bàn. Nay Thi-bặc, đây gọi là pháp tạo được sự chứng ngộ trong hiện tại.

Lại có pháp khiến chứng đắc ngay trong hiện tiền là chánh kiến, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phước thiện, chánh chí, chánh niệm và chánh định.

Khi Thế Tôn thuyết pháp này, Phạm chí Thi-bặc xa lìa bụi bặm cấu uế, đắc pháp nhãn thanh tịnh đối với các pháp. Sau khi được thấy đạo, Phạm chí Thi-bặc sửa lại y phục, chấp tay hướng Phật, bạch:

–Thưa Thế Tôn, xin Ngài từ bi thương xót cho con được xuất gia.

Như Lai cho phép ông ta xuất gia. Sau khi xuất gia, Tôn giả Thi-bặc sống nơi vắng lặng, ân cần tinh tấn tu tập, đắc quả A-la-hán.

M

212. Tôi nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở nơi rừng Am-bà-la, thuộc thôn xóm bán vải Na-la-kiện-đà. Khu xóm này có một Phạm chí tên Na-lị-bà-lực, đã già cả, một trăm hai mươi tuổi. Dân chúng sống trong thôn đều cho vị ấy là bậc A-la-hán, nên tất cả đều cung kính cúng dường.

Phạm chí này có một bạn thân đã qua đời, được sanh lên cõi trời. Vị trời ấy suy nghĩ: “Nay nếu ta khuyên Na-lị-bà-lực đến gặp Đức Phật, chắc ông ta không chấp nhận. Vậy ta nên thuyết giáo, có thể làm cho ông ta tin nơi ta”. Sau khi nghĩ như vậy, vị Trời bèn đến nơi vị Phạm chí già kia, với hào quang rực rỡ chiếu toàn thân và chung quanh, hỏi Phạm chí:

–Thế nào đúng là oán gia của ta mà giả làm người thân? Thế nào là người xem bạn thân như thân mình? Thế nào là nói về đoạn trừ? Thế nào là không nhiệt não? Bạn hãy ghi nhớ và suy nghĩ trong

lòng, không nên nói ra điều này. Nếu ai hiểu và giải thích được ý nghĩa ấy, bạn nên đến gặp họ, cầu xin xuất gia, tịnh tu phạm hạnh.

Vị trời nói xong liền biến mất. Phạm chí Na-lị-bà-lực nghe nói như vậy liền đến gặp Phú-lan-na Ca-diếp và vấn nạn bằng những ý nghĩ trong lòng: Thế nào là oán gia... *như trên*... Nhưng Phú-lan-na Ca-diếp không biết được ý nghĩ của Phạm chí, làm sao đáp được!

Phạm chí lại đến gặp San-xà-da Tỳ-la-chi Tử và cũng hỏi bằng ý nghĩa... cho đến Ni-càn-đà-nhã-đề Tử cũng được hỏi bằng ý nghĩ như vậy. Nhã-đề Tử vẫn không biết Phạm chí nghĩ gì, làm sao đáp được!

Phạm chí Na-lị-bà-lực đã gặp hết Lục sư nhưng họ đều không biết ông ta nghĩ gì nên không thể đáp được. Phạm chí suy nghĩ: “Nay ta làm sao xuất gia tu đạo trong pháp của họ, chỉ bằng hoàn tục hưởng thọ năm dục lạc. Hiện nay gia sản của ta rất giàu, vậy nên sống ở gia đình bố thí làm phước!”. Ông ta lại nghĩ: “Hay là ta đến gặp Sa-môn Cù-đàm”.

Sau khi nghĩ như vậy, ông ta đi đến gặp Phật, trên đường đi, lại suy nghĩ: “Sa-môn Cù-đàm xuất gia còn trẻ tuổi, nhóm Lục sư Phú-lan-na... đều là những người kỳ cựu, túc đức, còn không biết được ý nghĩ của ta, huống chi Sa-môn Cù-đàm đã trẻ tuổi, lại xuất gia chưa lâu, học lực còn kém, làm sao có thể hiểu được ý nghĩa này!”. Nghĩ như vậy, ngay giữa đường, ông ta muốn quay xe trở về, nhưng lại suy nghĩ: “Trước đây ta đã từng nghe các Phạm chí Trưởng lão kỳ cựu túc đức nói: Đối với người xuất gia nhỏ tuổi không nên khinh thường. Vì sao? Tuổi tuy nhỏ nhưng có thần thông lớn và nhiều trí tuệ”.

Nghĩ như vậy rồi, Phạm chí đến gặp Đức Phật, cung kính chào hỏi, ngồi qua một bên, trong lòng nghĩ đến bốn câu hỏi... *như trên*... Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm Phạm chí nên nói kệ:

*Nói xấu, mắng sau lưng
Chê bai trăm ngàn cách
Trước mặt lại khen ngợi
Nói là người tốt đẹp
Thật đã làm những việc
Đối trá không nên làm
Người trí cần phải biết*

*Đây là oán giả thân.
Giả nói lời thân thiện
Hành động thì gây hại
Người trí cần nên biết
Đây là oán giả thân.
Thế nào với bạn thân
Kính mến như thân mình
Không nên với bạn thân
Tìm kiếm lỗi của họ.
Bạn thân đồng tâm nguyện
Nhớ nhau thường không quên
Bạn mà thân như vậy
Không bị ai chia rẽ.
Cần phải luôn kính mến
Yêu thương như thân mình
Vì sao nói phải đoạn
Đoạn phát sanh hỷ lạc
Cũng hay được thắng lợi
Đến cảnh giới tịch diệt
Siêng tu đến thắng quả
Trượng phu hành chánh đạo
Vì nghĩa này nên đoạn
Làm sao được không nhiệt
Hưởng mùi vị tịch tịnh
Chứng đắc đại trí tuệ
Khi ấy được không nhiệt
Xa lìa hẳn các ác
Hưởng pháp vị hoan hỷ
Đây gọi là không nhiệt.*

Phạm chí nghe kệ xong, liền sửa lại y phục, bạch Phật:

–Cầu mong Thế Tôn cho con xuất gia.

Đức Như Lai cho Phạm chí xuất gia. Sau khi xuất gia, Tôn giả tinh tấn tu tập, chứng A-la-hán.

213. Về Tu-bạt-đà-la, giống phần kệ tụng của kinh 110.

M

Kệ tóm lược:

*Ưu-trắc, Phân-nặc, Câu-ca-na
Tu-đạt, Trường Trảo, Xa-la-phù
Trọng Sào, tam đế và Văn-đà
Hai không giữ được, Thi-bặc căn
Thi-bặc, Na-lị-bà-lực-ca
Tu-bạt-đà-la thứ mười lăm.*

